

Sổ tay giáo dục dành cho Người nước ngoài

外国人保護者用就学ハンドブック

ベトナム語版

**Hướng đến xã hội nơi mọi người  
cùng chung sống**

い しゃかい  
**ともに生きる社会をめざして**

Hướng dẫn nhập học vào trường công lập dành cho học sinh Người nước ngoài

がいこくじん し どうせい と こうりつがっこうにゅうがく  
**外国人児童生徒の公立学校入学について**

**Ủy Ban Giáo Dục Thành Phố Kawasaki**

かわさき し きょういく い いんかい  
**川崎市 教育委員会**

# にほん がっ こう きょう いく 日本の学校教育は つぎのようになっています

## きむきょういく じゆきょうりよう むしょう ●義務教育について（授業料は無償）

にほん きょういく しょうがっこう ねんかん ちゅうがっこう ねんかん こうとうがっこう ねんかん だいがく  
日本の教育は、小学校（6年間）、中学校（3年間）、高等学校（3年間）、大学（2  
ねん ねんかん せんもんがっこう ねんかん きほん まん  
年または4年間）、専門学校（1～4年間）が基本になっています。そして、満6  
さい まん さい ねんかん しょうちゅうがっこう おこな きょういく ぎ む きょういく  
歳～満15歳までの9年間で小中学校で行われる教育を義務教育としています。  
※ がつ にちげんざい まん さい こ とし ねんせい にゅうがく  
※ 4月1日現在で、満6歳になる子どもが、その年の1年生に入学します。

## しょう こ ●障がいのある子どものために

しょう こ とくべつ し えんがっこう とくべつ し えんがくきゅう せつ ち  
障がいのある子どものために、特別支援学校や特別支援学級が設置されている  
しょう ちゅうがっこう しょう はいりょ うえ しょう ちゅうがっこう こうとうがっ  
小・中学校もあります。そこでは、障がいを配慮した上で、小・中学校・高等学  
こう どうよう きょういく おこな  
校と同様な教育が行われています。

## しゅうがく ぜんきょういく ●就学前教育について

つうじょう まん さい しょうがっこうしゅうがく よう じ たいしょう よう ち えん おこな  
通常、満3歳から小学校就学までの幼児を対象として、幼稚園で行われます。  
ちか よう ち えん と あ  
お近くの幼稚園に問い合わせてください。

## こうとうがっこう ●高等学校

しょうがっこうおよ ちゅうがっこう ぎ む きょういく しゅうりよう ひと たいしょう ふ つうきょういく  
小学校及び中学校における義務教育を終了した人を対象に、普通教育または  
せんもんきょういく しゅ がっ か そうごうき まな がっ か  
専門教育を主とする学科および、総合的に学ぶことのできる学科があります。

かわさき し ない こうりつ しょうがっこう こう こうりつちゅうがっこう こう とくべつ し えんがっこう  
川崎市には、公立の小学校は114校、公立中学校は52校、特別支援学校  
けんりつ ふく こう こうりつ がっこう し りつ がっこう じんぞくがっこう ちょうせん  
は県立を含めて7校あります。公立の学校のほかに私立の学校と民族学校（朝鮮  
がっこう  
学校）があります。

## Hệ thống giáo dục trường học ở Nhật

### • Giáo dục bắt buộc (miễn phí)

Giáo dục ở Nhật bao gồm 6 năm tiểu học, 3 năm trung học cơ sở, 3 năm trung học phổ thông, từ 2 đến 4 năm Cao đẳng và Đại học và từ 1 đến 4 năm trường dạy nghề. Trong đó, 9 năm của bậc tiểu học và trung học cơ sở là giáo dục bắt buộc dành cho trẻ em có độ tuổi từ 6 đến 15.

※Tất cả trẻ em đủ 6 tuổi tính từ ngày 1 tháng 4 cùng năm, sẽ được nhập học vào lớp 1.

### • Giáo dục dành cho trẻ em khuyết tật

Ở Nhật, tại các trường tiểu học và trung học cơ sở có các lớp hỗ trợ đặc biệt được lập ra dành cho trẻ em khuyết tật. Tại đây, các em được đào tạo đặc biệt theo từng loại và mức độ khuyết tật khác nhau theo chương trình giáo dục tương đương như các cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.

### • Giáo dục mẫu giáo

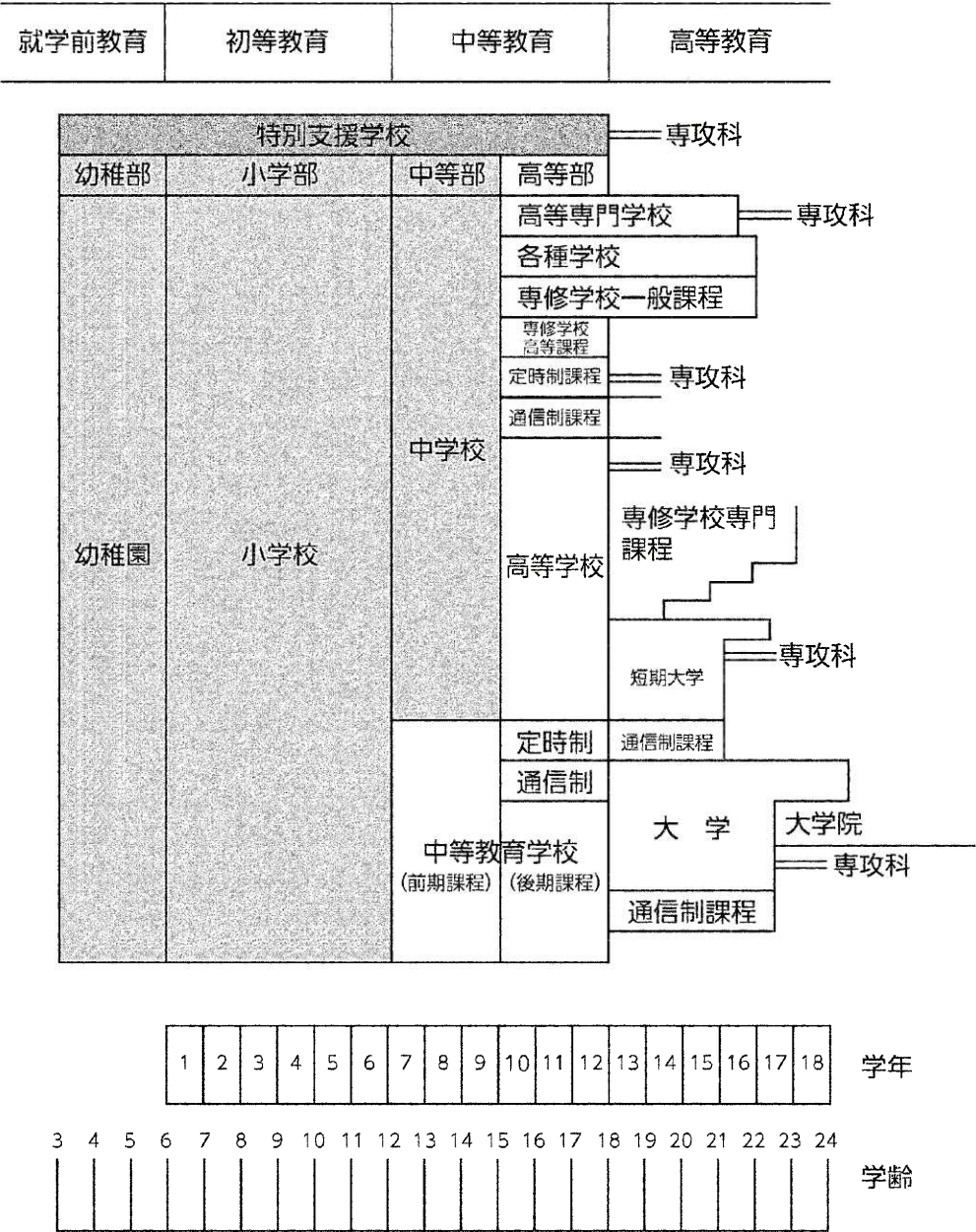
Ở Nhật trẻ bắt đầu học mẫu giáo từ 3 tuổi đến khi vào lớp 1.  
Vui lòng liên hệ với Trường mẫu giáo địa phương nơi bạn đang cư trú.

### • Giáo dục Trung học phổ thông

Sau khi hoàn thành giáo dục bắt buộc của bậc tiểu học và trung học cơ sở, các em có thể học tiếp lên trung học phổ thông hoặc cũng có thể theo học tại các trường đào tạo chuyên môn (trường nghề) và các khóa học tổng hợp.

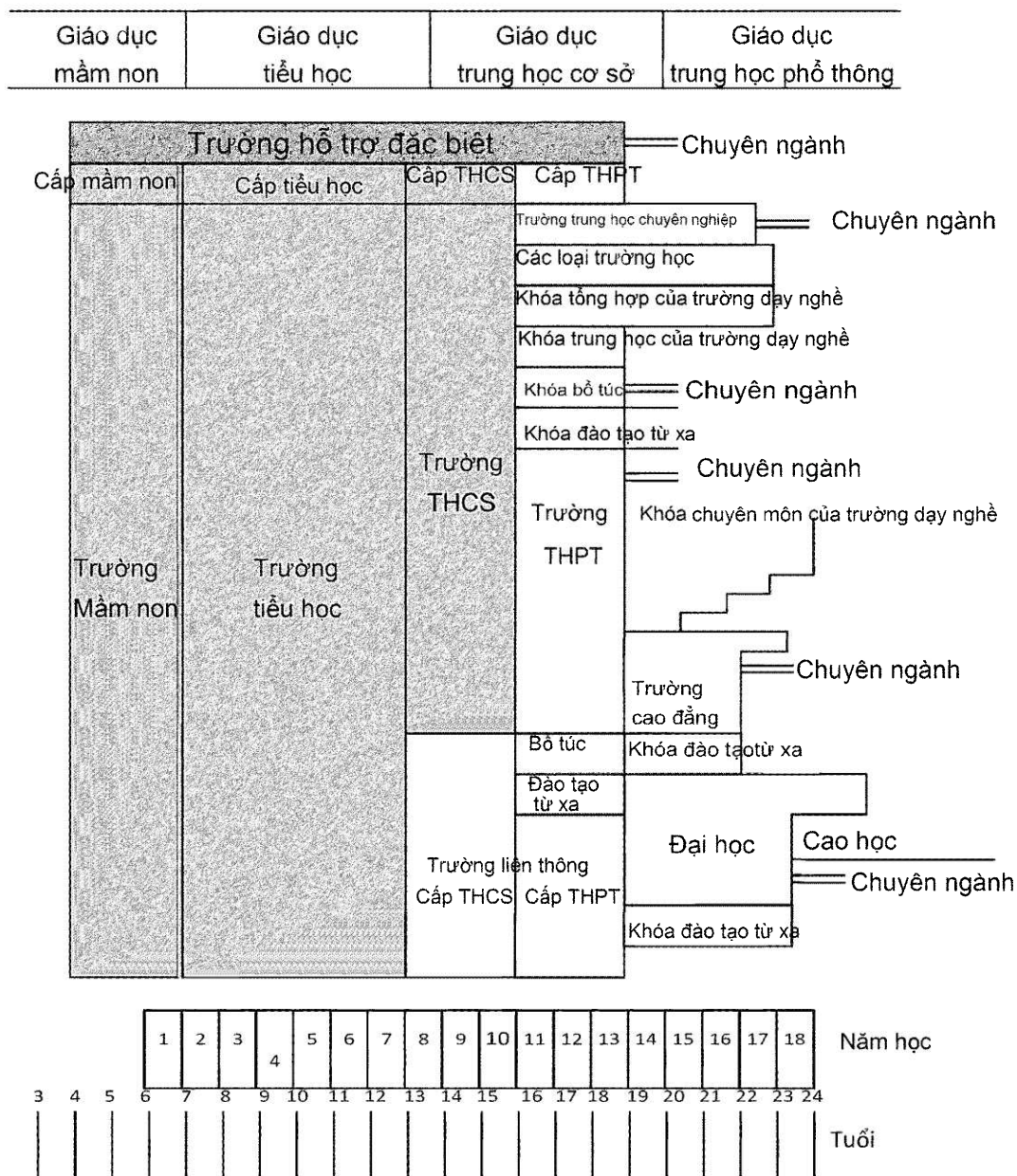
Hiện nay tổng số trường công lập trong thành phố Kawasaki gồm có tiểu học 114 trường, trung học cơ sở 52 trường, và toàn tỉnh có 7 trường hỗ trợ đặc biệt tính cả trường do tỉnh lập. Ngoài ra còn có trường tư lập và trường của người Triều Tiên.

# 日本の学校系統図



文部科学省

# Hệ thống trường học ở Nhật



Bộ Khoa Học và Giáo Dục

## 公立学校の教育について

### ●学習 教科について

小学校では、国語、社会、算数、理科、生活、音楽、図画工作、家庭、体育、外国語の各教科、道徳、特別活動、総合的な学習の時間について学習します。

中学校では、国語、社会、数学、理科、音楽、美術、保健体育、技術・家庭、外国語の各教科、道徳、特別活動、総合的な学習の時間について学習します。

外国語はほとんどの場合、英語を学びます。

小学校では、授業は担任の先生が中心となって指導します。中学校では、教科ごとに先生が替わります。

### ●就学援助制度について

授業料や教科書は、無料です。ただし、学校では、教科書以外にも、補助教材といわれる参考書などを使用することがあり、それらについては、購入費用を支払わなければなりません。また、給食費、遠足等の行事にかかわる費用がかかります。困った時には「就学援助制度」がありますので、各学校の担任の先生にご相談ください。

### ●進級・進学について

日本では、義務教育の期間は飛び級の制度はなく、入学（編入学）した学年から順に上級の学年の学習へと進んでいきます。また、病気等で長期間学習の機会が失われた場合など特別なケースを除いては、落第（原級留置）ということはほとんどありません。義務教育終了後、高等学校へ進学するさいは、通常は入学試験を受けることになります。

また、日本の学校では年齢により学年が決められ、4月から新しい学年度が始まりますから、母国の学年と一致しない場合があります。

## Giáo dục ở trường công lập

### • Các môn học

Ở bậc tiểu học các em sẽ được học các môn: Quốc Ngữ, Xã hội, Toán, Khoa học tự nhiên, Sinh hoạt đời sống, Âm nhạc, Thủ công và vẽ, Gia đình, Thể dục, Ngoại ngữ, Đạo đức, giờ học tổng hợp (nghiên cứu chủ đề) và các hoạt động đặc biệt.

Ở bậc trung học cơ sở các em sẽ được học các môn: Quốc ngữ, Xã hội, Toán, Khoa học tự nhiên, Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục rèn luyện sức khỏe, Kỹ thuật và Gia đình, Ngoại ngữ, Đạo đức, giờ học tổng hợp (nghiên cứu chủ đề) và các hoạt động đặc biệt.

Đối với môn ngoại ngữ chủ yếu là đào tạo Tiếng Anh.

Ở bậc tiểu học, Giáo viên chủ nhiệm phụ trách giảng dạy chính, tuy nhiên ở bậc trung học cơ sở Giáo viên phụ trách sẽ thay đổi theo từng môn học.

### • Chế độ hỗ trợ nhập

Học phí và sách giáo khoa được chính phủ hỗ trợ miễn phí. Tuy nhiên, các giáo trình, tài liệu ngoài sách giáo khoa chính phụ huynh phải tự mua và trả chi phí cơm trưa tại trường, phí cho các hoạt động dã ngoại. Vì thành phố Kawasaki có 「Chế độ hỗ trợ nhập học」 nên nếu bạn gặp khó khăn gì hãy trao đổi với giáo viên chủ nhiệm.

### • Lên lớp và lên cấp học

Ở Nhật, trong giai đoạn giáo dục bắt buộc của bậc tiểu học và trung học cơ sở không có chế độ hỗ trợ học vượt cấp (nhảy lớp), các em phải hoàn thành chương trình học theo thứ tự từng năm từ khi bắt đầu nhập học đến hết năm cuối cấp. Ngoài ra, ngoại trừ những trường hợp đặc biệt như không thể đến lớp trong một thời gian dài do bị bệnh..., thì hầu như không có trường hợp nào bị ở lại lớp (rớt lớp). Sau khi kết thúc chương trình giáo dục bắt buộc, nếu muốn học tiếp lên trung học phổ thông, về cơ bản phải tham dự kỳ thi tuyển sinh.

Ngoài ra, học sinh được phân chia lớp tùy theo độ tuổi (những em có ngày sinh từ ngày 2 tháng 4 năm này đến ngày 1 tháng 4 năm sau sẽ được học cùng một lớp). Do đó, vì ở Nhật năm học mới bắt đầu từ tháng 4, nên học sinh nước ngoài khi chuyển đến trường trong nước Nhật có thể các em học sẽ không được học đúng với cấp học như ở bên nước của mình.

## 公立学校へ入学を希望する場合の手続き

### ◇住民登録のある方

①新入学児童がいる家庭には、健康診断案内と就学案内が送られます。

### ◇以下、住民登録の有無にかかわらず

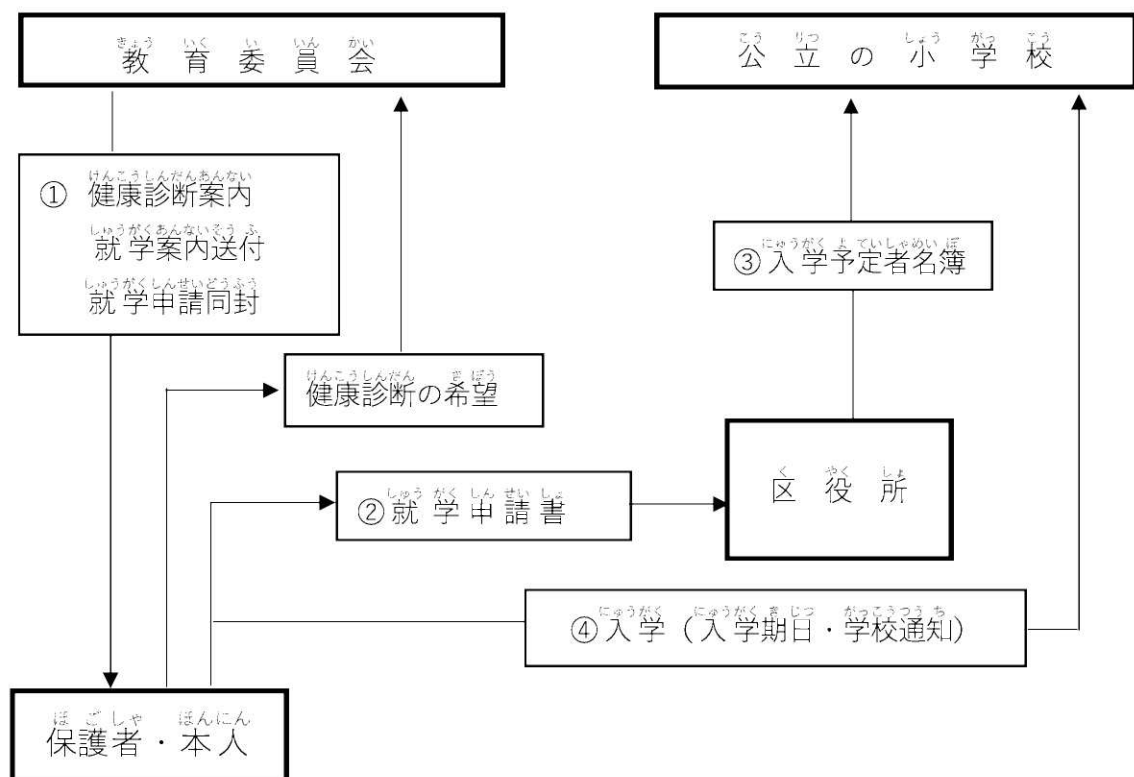
②区役所で就学の申請をし、入学期日・学校通知（入学通知書）を受け取ります。

③区役所から入学予定校へ名簿が送られます。

④入学式に入学期日・学校通知（入学通知書）をもって行きます。

入学式は4月5日が一般的です。

### 【小学校に入学するときの手続き】



## Thủ tục nhập học vào trường công lập

### ◇ Trường có đăng ký thường trú

① Ủy ban quận (*Kuyakusho*) sẽ gửi Giấy hướng dẫn nhập học (*Shugaku annai*) và Giấy hướng dẫn khám sức khỏe (*Kenko shindan annai*) bằng đường bưu điện đến gia đình có con em đến tuổi nhập học.

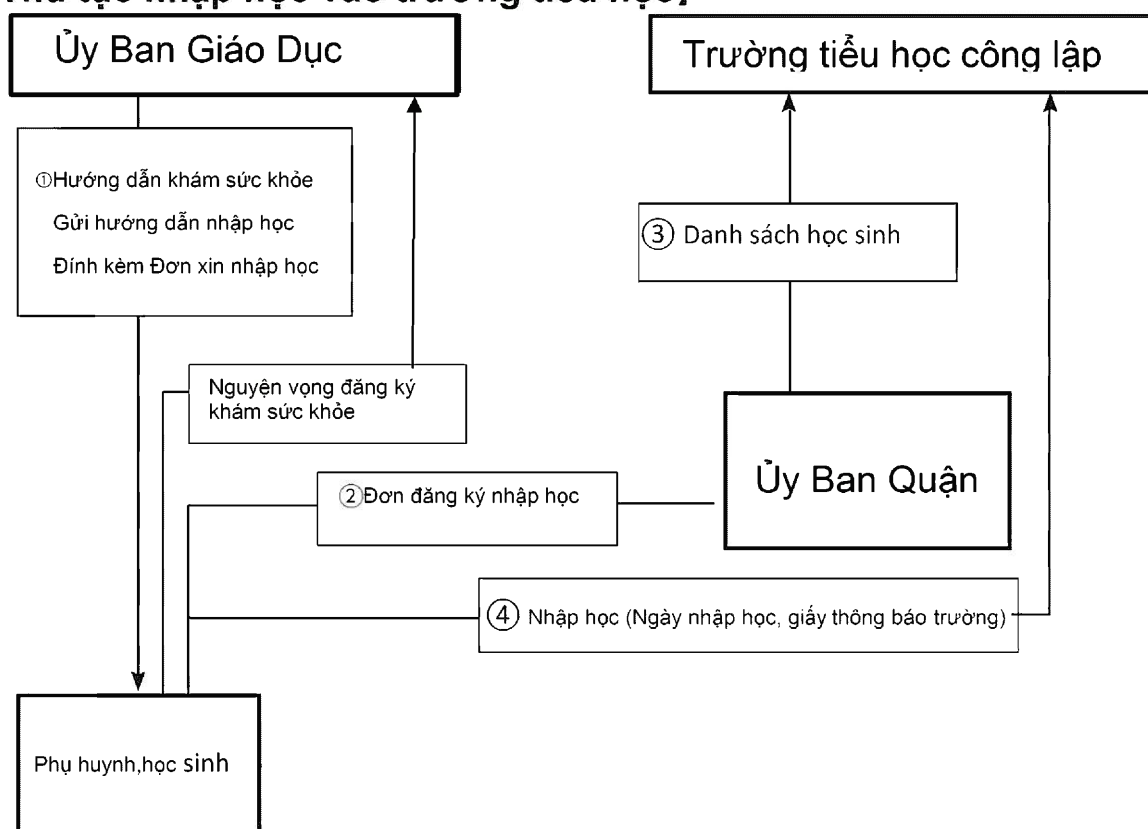
### ◇ Trường hợp bất kể có hay không có đăng ký thường trú

② Đăng ký nhập học và nhận Giấy báo nhập học (*Nyugaku tsuchisho*) tại Ủy ban quận (*Kuyakusho*).

③ Ủy ban quận sẽ gửi danh sách đến Trường mà các em sẽ nhập học.

④ Mang theo Giấy báo nhập học (*Nyugaku tsuchisho*) khi tham dự lễ nhập học (*Nyugakushiki*). Thông thường lễ nhập học được tổ chức vào ngày 5 tháng 4.

### [Thủ tục nhập học vào trường tiểu học]



かわ さき し  
**川崎市は、**  
じん けん たい せつ きょう いく  
**人権を大切に**する**教育を**めざします

- いのちを大切に、<sup>たいせつ</sup>平和と民主主義の<sup>へい わ みんしゅしゅぎ きょういく</sup>教育をめざします。
- ひとりひとりが互いに<sup>たが り かい</sup>理解しあい、すべての人たちがともに<sup>い きょういく</sup>生きる教育をめざします。
- 人権尊重の<sup>じんけんそんちよう せいしん やしな</sup>精神を養い、あらゆる<sup>さ べつ へんけん</sup>差別や偏見をなくそうとする<sup>きょういく</sup>教育をめざします。

こ きょういく う けん り ほ しょう  
**すべての子どもには、教育を受ける権利が保障**されます

こ けん り じょうやく こくさいじんけん き やく こ がくしゅう けん り みと  
子どもの<sup>こ</sup>権利条約、国際人権規約などですべての<sup>こ</sup>子どもの<sup>がくしゅう</sup>学習する<sup>けん り</sup>権利が認められています。

がっこう た ぶん か きょうせい しゃかい きょういく  
**学校では、多文化共生の社会をめざす教育を**すすめます

がっこう こ ふん か しゅうかん たいせつ つと  
学校では、お子さんの<sup>こ</sup>もつさまざまな文化、習慣を大切に<sup>たいせつ</sup>するように<sup>つと</sup>努めます。

こま  
困ったときはなんでも<sup>がっこう そうだん</sup>学校に相談してください。

に ほん じん がいこく じん い ち いきしゃかい  
**日本人と外国人がともに生きる地域社会を**めざします

かわさき し たれ い きょうせい  
川崎市では、誰もが<sup>たれ</sup>ともに<sup>い</sup>生きる<sup>きょうせい</sup>共生のまちづくりをめざしています。

また、「<sup>がいこくじん し みんだいひょうしゃかい</sup>外国人市民代表者会議」を<sup>せつ ち</sup>設置し、<sup>がいこくじん し みん こえ し せい い</sup>外国人市民の声を<sup>い</sup>市政に生かし、  
<sup>がいこくじん し みん しゃかいさん か し えん つと</sup>外国人市民の社会参加の支援に努めます。

## **Thành phố Kawasaki hướng đến nền giáo dục tôn trọng nhân quyền**

- Hướng đến nền giáo dục trân trọng cuộc sống, hòa bình và Chủ nghĩa dân chủ.
- Hướng đến nền giáo dục mà tất cả mọi người cùng sống trong một xã hội hài hòa và cùng hiểu nhau.
- Hướng đến nền giáo dục nuôi dưỡng tinh thần tôn trọng nhân quyền, không định kiến, không phân biệt đối xử.

### **Đảm bảo tất cả trẻ em đều có quyền được đi học**

Công ước về Quyền trẻ em và Công ước nhân quyền quốc tế công nhận tất cả trẻ em đều có quyền được đi học.

### **Thúc đẩy nền giáo dục hướng đến xã hội cộng sinh đa văn hóa trong trường học**

Nhà trường luôn trân trọng nguồn gốc văn hóa, tập quán khác nhau của các em. Vì vậy hãy trao đổi với nhà trường bất cứ khi nào nếu bạn gặp bất kỳ khó khăn gì.

### **Hướng đến cộng đồng địa phương nơi người Nhật và người nước ngoài cùng chung sống**

Thành phố Kawasaki hướng đến việc tạo ra một thành phố cộng sinh nơi mà tất cả mọi người cùng sống trong xã hội hài hòa.

Ngoài ra, Thành phố cũng đã lập ra Hội nghị đại biểu đại diện công dân người nước ngoài, đưa tiếng nói của công dân người nước ngoài đến Chính quyền thành phố, khuyến khích hỗ trợ công dân người nước ngoài tham gia các hoạt động xã hội.

にほん がっこうせいかつ かん じょうほう  
日本の学校生活に関する情報

○文部科学省が日本の学校の様子に  
ついて紹介する多言語の資料や  
動画を作成しています。

- ・ 就学ガイドブック
- ・ 日本の学校生活を紹介する動画

Các thông tin về sinh hoạt học đường

○Bộ Khoa Học Giáo Dục giới thiệu  
về học đường ở Nhật bản bằng  
đa ngôn ngữ và video.

- ・ Sổ tay hướng dẫn nhập học
- ・ Video giới thiệu về sinh hoạt  
học đường ở Nhật bản



がっこうせいかつ しんぱい とき  
学校生活に心配がある時は  
相談をしましょう

お子さんのことで心配なことがある時は、  
入学する学校に相談をしておきましょう。  
健康診断や入学説明会の時にも相談ができ  
ます。

日本語で話をするのが心配な時は、  
通訳の派遣を依頼することもできます。

<相談した方がよいこと>

- ・ 健康のこと (アレルギーや病気のこと)
- ・ 習慣のこと (食べ物や服装などのこと)
- ・ 日本語サポートのこと
- ・ 発達について不安なこと

がいこくご そうだん  
外国語で相談できる場所

- ・ 川崎市国際交流センター  
044-455-8811
- ・ 多言語支援センターかながわ  
045-316-2770

Nếu lo lắng về cuộc sống học đường,  
hãy nói chuyện với nhà trường

Nếu có bất kỳ mối quan tâm nào về con  
mình, hãy nói chuyện với nhà trường đang  
đăng ký. Phỏng vấn cũng có thể được thực  
hiện trong các cuộc kiểm tra sức khỏe và buổi  
họp giải thích nhập học.

Nếu lo lắng về việc nói tiếng Nhật thì có  
thể yêu cầu thông dịch viên.

< Những điều nên hội ý >

- ・ Sức khỏe (bệnh tật và các loại dị ứng)
- ・ Phong tục (đồ ăn và trang phục)
- ・ Sự ủng hộ tiếng Nhật
- ・ Sự lo lắng về phát triển trẻ con

Nơi được hỗ trợ bằng tiếng nước  
ngoài

- ・ Hiệp hội giao lưu quốc tế  
thành phố Kawasaki

- 044-455-8811
- ・ Trung tâm hướng dẫn tổng  
hợp đa ngôn ngữ Kanagawa  
045-316-2770



- ・ 2021年9月 発行
- ・ 川崎市教育委員会事務局  
教育政策室人権・多文化共生教育

TEL 044-200-3758

Tháng 9 năm 2021 phát hành

Nhân quyền・Giáo dục đa văn hóa / Văn phòng  
chính sách giáo dục / Ủy ban giáo dục thành phố  
Kawasaki 044-200-3758